

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ 4/2017

THÁNG 01/2018

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1	2	3	4	5
A – TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		303,262,835,552	237,675,553,362
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		88,053,184,238	200,688,173,203
1. Tiền	111	V.01	32,079,680,796	21,876,573,203
2. Các khoản tương đương tiền			55,973,503,442	178,811,600,000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	111,000,000,000	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		111,000,000,000	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		97,066,960,842	36,617,616,317
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.03	94,365,214,468	33,022,558,632
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.04	303,150,000	
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.05	2,980,145,784	3,595,057,685
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137		(581,549,410)	
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		-	-
1. Hàng tồn kho	141		-	-
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7,142,690,472	369,763,842
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.06	7,142,690,472	369,763,842
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155	V.07		
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		310,898,100,927	436,170,059,081
I- Các khoản phải thu dài hạn	210		136,323,000	519,000,000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		136,323,000	519,000,000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
II. Tài sản cố định	220		301,381,038,040	422,189,959,937
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	237,144,844,440	356,485,784,924
- Nguyên giá	222		487,132,413,879	616,497,047,636
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(249,987,569,439)	(260,011,262,712)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	64,236,193,600	65,704,175,013
- Nguyên giá	228		79,512,404,441	79,352,404,441
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(15,276,210,841)	(13,648,229,428)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242			
V. Tài sản dài hạn khác	250		9,258,600,000	9,258,600,000
1. Đầu tư vào công ty con	251			
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		7,000,000,000	7,000,000,000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.11	2,258,600,000	2,258,600,000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		122,139,887	4,202,499,144
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	122,139,887	4,202,499,144
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		614,160,936,479	673,845,612,443
NGUỒN VỐN				
A – NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		20,120,276,670	97,720,701,211
I. Nợ ngắn hạn	310		20,120,276,670	49,859,415,783
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	4,317,094,239	8,729,670,403
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		401,151,350	16,940,000
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	9,783,316,166	7,424,244,628
4. Phải trả người lao động	314	V.15	2,055,613,363	3,021,191,706
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	-	189,264,290
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	2,496,457,265	4,467,529,301
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	22,852,056,000

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	1,066,644,287	3,158,519,455
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		-	47,861,285,428
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19	-	4,239,545,428
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20	-	43,621,740,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
B - VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410 + 430)	400		594,040,659,809	576,124,911,232
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.21	594,040,659,809	576,124,911,232
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		340,000,000,000	340,000,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a			
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		60,123,448,000	60,123,448,000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		76,384,262,159	64,185,151,590
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		117,532,949,650	111,816,311,642
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ	421a		34,252,418,787	95,942,095,751
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		83,280,530,863	15,874,215,891
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		614,160,936,479	673,845,612,443

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
CHỈ TIÊU		Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ
1. Tài sản thuê ngoài 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký 4. Nợ khó đòi đã xử lý 5. Ngoại tệ các loại 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án				

Tp.HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc





Handwritten signature of Lâm Văn Tuấn

Lý Ngọc Tuyên

Lê Thanh Sơn



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Mẫu số B 02 - DN
(Ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC
Ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Từ ngày 01/10/2017 đến 31/12/2017

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 4/2017		Lũy kế	
			Năm 2017	Năm 2016	Năm 2017	Năm 2016
			I	2	3	4
A	B	C				
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	54,515,620,478	70,065,886,046	252,047,308,308	287,701,854,830
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02					
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	VI.27	54,515,620,478	70,065,886,046	252,047,308,308	287,701,854,830
4. Giá vốn hàng bán	11		26,186,846,152	48,749,436,451	140,898,373,784	175,426,510,732
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		28,328,774,326	21,316,449,595	111,148,934,524	112,275,344,098
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	2,107,846,831	1,807,692,730	7,668,456,329	7,155,965,046
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	1,330,410,731	1,765,849,023	6,908,011,401
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	1,506,562,851	1,754,091,146	6,858,274,606
8. Chi phí bán hàng	24		-	-	193,636,364	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		4,050,729,716	2,037,299,975	13,984,304,264	11,693,784,217
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		26,385,891,441	19,756,431,619	102,873,601,202	100,829,513,526
11. Thu nhập khác	31		134	73,263,637	2,316,583,166	919,505,840
12. Chi phí khác	32		-	-	795,556,622	41,964,117
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		134	73,263,637	1,521,026,544	877,541,723
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		26,385,891,575	19,829,695,256	104,394,627,746	101,707,055,249
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	5,458,605,555	4,006,139,051	21,114,096,883	20,430,311,143
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30				
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		20,927,286,020	15,823,556,205	83,280,530,863	81,276,744,106
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		616	465	2,327	2,271

Tp. HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2018

Kế toán trưởng

Người lập biểu



[Signature]
Lê Thanh Sơn

[Signature]
Lý Ngọc Tuyên

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẢNG CÁT LÁI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/ CV-CLL

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 01 năm 2018

V/v Giải trình chênh lệch lợi nhuận
sau thuế quý 4/2017 so với cùng kỳ
năm trước


Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;
- Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh,

Trước tiên Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái chân thành cảm ơn sự quan tâm hỗ trợ của quý cơ quan trong thời gian qua.

Căn cứ khoản 3 Điều 10 Thông tư 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ tài Chính quy định “Công ty đại chúng quy mô lớn phải thực hiện công bố thông tin về Báo cáo tài chính quý trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày kết thúc quý, trường hợp lợi nhuận sau thuế có biến động 10% trở lên so với cùng kỳ Công ty phải thực hiện giải trình rõ nguyên nhân trong báo cáo tài chính đó”. Thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính ngày 20/10/2014 Công ty cổ phần Cảng Cát Lái tiến hành công bố thông tin với nội dung Báo cáo tài chính quý 4/2017 có kết quả như sau:

Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2017	Lợi nhuận sau thuế TNDN quý 4/2016	So sánh quý 4/2017 với quý 4/2016	
		Tăng/giảm	%
20.927.286.020	15.823.556.205	5.103.729.815	32,25

Nguyên nhân chính là do Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái cho Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái (CIL) thuê xe đầu kéo. Công ty không tiếp tục hoạt động vận tải nên đã điều chuyển một số nhân sự quản lý và điều hành vận tải sang Công ty CIL, vì vậy chi phí quản lý doanh nghiệp giảm tương đối nhiều. Ngoài ra, Công ty đã tắt toán các khoản nợ vay Ngân hàng trước hạn nên chi phí tài chính cũng sụt giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước. Do đó, lợi nhuận sau thuế của kỳ này tăng 32,25% so với kỳ trước.

Trên đây là phần giải trình về kết quả lợi nhuận sau thuế của quý 4/2017 so với cùng kỳ năm trước, kính chuyển quý cơ quan xem xét. 

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, TC-KHKD; NT04.



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Quý 4 năm 2017

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 31/12/2017	
			Năm 2017	Năm 2016
A	B	C	3	4
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	1		104,394,627,746	101,707,055,249
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	2		47,102,048,652	51,192,657,411
- Các khoản dự phòng	3		581,549,410	
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực	4			(211,752,039)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	5		-	(6,572,057,071)
- Chi phí lãi vay	6		(7,146,092,030)	6,858,274,606
- Các khoản điều chỉnh khác	7		1,754,091,146	
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	8		146,686,224,924	152,974,178,156
- Tăng, giảm các khoản phải thu	9		(60,648,216,935)	15,867,547,211
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		-	-
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(6,641,603,114)	(27,518,556,349)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(2,692,567,373)	3,707,037,733
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(1,754,091,146)	(6,858,274,606)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(24,445,291,889)	(22,350,115,816)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6,166,985,737)	(3,527,880,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh	20		44,337,468,730	112,293,936,329
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(471,700,000)	(6,363,552,735)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		74,461,190,726	
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(111,000,000,000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	1,000,000,000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận	27		6,863,474,549	6,572,057,071
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(30,147,034,725)	1,208,504,336
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
			-	-



Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến ngày 31/12/2017	
			Năm 2017	Năm 2016
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33			
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(66,473,796,000)	(52,444,828,336)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(60,351,626,970)	(39,617,574,520)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		(126,825,422,970)	(92,062,402,856)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 =	50		(112,634,988,965)	21,440,037,809
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		200,688,173,203	179,036,380,796
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			211,752,039
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	31	88,053,184,238	200,688,170,644

Tp HCM, ngày 19 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lý Ngọc Tuyên

Lê Thanh Sơn

Lâm Văn Tuấn



CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 4/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cảng Cát Lái (sau đây gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đại lý vận tải đường biển, dịch vụ môi giới hàng hải, dịch vụ lai dắt tàu biển, dịch vụ bốc dỡ hàng hoá tại cảng biển, kinh doanh dịch vụ vận tải đa phương thức quốc tế./.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Công ty

Công ty liên kết

Công ty chỉ đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái có trụ sở chính tại 1295B Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại công ty liên kết này là 35%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Như đã trình bày tại thuyết minh số III.1, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015 Công ty đã áp dụng Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Các quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp mới này không có ảnh hưởng trọng yếu đến các số liệu của Công ty và Công ty đã trình bày lại các số liệu so sánh trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 do vậy do vậy các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

7. Nhân viên

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 Công ty có 39 nhân viên đang làm việc (tại ngày 30 tháng 09 năm 2017 là 42 nhân viên).

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội – Chi nhánh An Phú (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

4. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁI LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 – 30	5 – 30
Máy móc và thiết bị	3 – 12	3 – 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	3 – 10	3 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3	3
Tài sản cố định khác	3	

(*) Phương tiện vận tải có thời gian khấu hao 3 năm là các tài sản mua cũ được khấu hao theo thời gian sử dụng còn lại của tài sản.

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ...

Chương trình phần mềm

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

15. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

16. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

17. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

	Số cuối năm	Số đầu năm
Cộng	88.053.184.238	200.688.170.644

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	-	111.000.000.000	-	-
Tiền gửi có kỳ hạn	-	111.000.000.000	-	-

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ			Số đầu năm		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty liên kết	7.000.000.000	-	7.000.000.000			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái ⁽ⁱ⁾	7.000.000.000	-	7.000.000.000			
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2.258.600.000		2.258.600.000			
Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾	2.258.600.000		2.258.600.000			
Cộng	9.258.600.000	-	9.258.600.000			

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty Cổ phần, mã số doanh nghiệp: 0313341745 ngày 03 tháng 8 năm 2015 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái 7.000.000.000 VND, tương đương 35% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã góp đủ vốn cam kết.

(ii) Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Cao su thành phố Hồ Chí Minh (số đầu năm là 225.860 cổ phiếu, tương đương 0,83% vốn điều lệ).

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty liên kết

Các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với năm trước.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	-	
Hoàn nhập dự phòng		

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH xây dựng điện Xuân Bách	75.900.000	
Cộng	303.150.000	-

5. Phải thu ngắn hạn khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	47.425.704		66.046.999	
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Các khoản chi hộ		-	66.046.999	
Công ty Cổ phần vận tải bộ Tân Cảng - Các khoản chi hộ	19.765.704			
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cát Lái	27.660.000			
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	2.722.720.080		3.529.010.686	
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	2.386.447.222		222.500.002	
Ký cược, ký quỹ	210.000.000		1.005.706.921	
Tạm ứng	80.000.000		1.865.573.211	
Bảo hiểm xã hội, y tế phải thu cơ quan bảo hiểm		-	32.202.085	
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	256.272.858		403.028.467	
Cộng	2.980.145.784		3.595.057.685	

5b. Phải thu dài hạn khác

Là các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

6. Nợ xấu

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Thời gian quá hạn	Giá gốc
Các tổ chức và cá nhân khác		581.549.410		-
Công ty Cổ phần Từ 1 năm đến Tuần Lộc Quảng Trị 2 năm		536.549.860		-
Công ty TNHH VT Từ 1 năm đến XNK Trung Thành 2 năm		44.999.550		-
Cộng		581.549.410		-

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm		
Trích lập dự phòng bổ sung	581.549.410	
Hoàn nhập dự phòng		
Số cuối kỳ	581.549.410	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	167.039.578.765	345.125.819.636	97.600.680.505	55.400.545	6.675.568.185	616.497.047.636
Mua trong năm		257.100.000	2.536.418.185		(2.481.818.185)	311.700.000
Đầu tư XDCB hoàn thành						-
Thanh lý, nhượng bán		(26.494.638.210)	(98.987.945.547)		(4.193.750.000)	(129.676.333.757)
Số cuối năm	167.039.578.765	318.888.281.426	1.149.153.143	55.400.545	-	487.132.413.879
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	39.792.306.734	6.953.812.021	282.153.143	55.400.545	896.000.000	47.979.672.443
Chờ thanh lý						
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	76.625.495.794	149.199.443.327	31.398.183.781	55.400.545	2.732.739.265	260.011.262.712
Khấu hao trong năm	5.227.824.492	28.254.881.706	11.465.915.334		471.392.679	45.420.014.211
Thanh lý, nhượng bán		(10.423.479.568)	(41.816.095.972)		(3.204.131.944)	(55.473.707.484)
Số cuối năm	81.853.320.286	167.030.845.465	1.048.003.143	55.400.545	-	249.987.569.439
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	90.414.082.971	195.926.376.309	66.202.496.724		3.942.828.920	356.485.784.924
Số cuối năm	85.186.258.479	151.857.435.961	101.150.000		-	237.144.844.440

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.199.722.296	23.444.201.540	(17.942.263.312)	8.701.660.524
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.089.800.561	21.114.096.883	(24.445.291.889)	758.605.555
Thuế thu nhập cá nhân	134.721.771	1.255.850.417	(1.362.915.281)	27.656.907
Tiền thuê đất	-	920.084.125	(624.690.945)	295.393.180
Các loại thuế khác	-	3.000.000	(3.000.000)	-
Cộng	7.424.244.628	46.737.232.965	(44.378.161.427)	9.783.316.166

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho dịch vụ vận chuyển quốc tế là 0%, dịch vụ trong nước là 10%..

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Theo quy định tại 134/2007/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2007 về việc hướng dẫn thực hiện miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp thì doanh nghiệp thành lập mới từ dự án đầu tư thuộc Danh mục lĩnh vực ưu đãi đầu tư được hưởng Thuế suất ưu đãi 20% trong thời gian mười năm (10 năm). Năm 2017 là năm tài chính tài chính thứ 9 Công ty hoạt động sản xuất kinh doanh có lãi.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	104.394.627.746	101.841.376.444
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	1.175.856.669	233.805.624
- Các khoản điều chỉnh tăng	1.175.856.669	443.964.117
<i>Thù lao Hội đồng quản trị không trực tiếp điều hành</i>	402.000.000	402.000.000
<i>Các khoản phạt chậm nộp thuế</i>	-	41.964.117
<i>Dự phòng phải thu khó đòi</i>	581.549.410	
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản nợ phải thu</i>	9.507.400	
<i>Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và công nợ phải thu năm trước đã thực hiện trong kỳ này</i>	182.799.859	(210.158.493)
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(27.358.634)
<i>Lỗi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại của tiền và các khoản nợ phải thu năm trước đã thực hiện trong năm nay</i>	-	(182.799.859)
Thu nhập tính thuế	105.570.484.415	102.075.182.068
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	21.114.096.883	20.415.036.414
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông</i>	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	-	4.239.545.428
Phải trả về tiền góp vốn hợp tác kinh doanh	-	4.239.545.428
<i>Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà ⁽ⁱ⁾</i>	-	2.355.303.012
<i>Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Việt Sắc ⁽ⁱⁱ⁾</i>	-	1.884.242.416
Cộng	-	4.239.545.428

- (i) Là khoản hợp tác đầu tư phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 38/HĐHT ngày 02 tháng 12 năm 2013 về hợp tác đầu tư xe Container để kinh doanh vận tải hàng hóa. Thời hạn hợp tác là 06 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng. Phân chia lợi nhuận: Công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà được hưởng một khoản khoản gọn bao gồm chi phí khấu hao xe và lợi nhuận khoản gọn hàng tháng theo thoả thuận giữa 2 bên được quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng.

Công ty đã thanh lý hoạt động này theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Công ty trả lại cho công ty TNHH Đầu tư Xây dựng và Thương mại Lê Hà số tiền 3.032.765.138 VNĐ.

- (ii) Là khoản hợp tác đầu tư phải trả theo hợp đồng hợp tác đầu tư số 39/HĐHT ngày 02 tháng 12 năm 2013 về hợp tác đầu tư xe Container để kinh doanh vận tải hàng hóa. Thời hạn hợp tác là 06 năm kể từ ngày hai bên ký hợp đồng. Phân chia lợi nhuận: Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Việt Sắc được hưởng một khoản khoản gọn bao gồm chi phí khấu hao xe và lợi nhuận khoản gọn hàng tháng theo thoả thuận giữa 2 bên được quy định trong hợp đồng và các phụ lục hợp đồng.

Công ty đã thanh lý hoạt động này theo Biên bản thanh lý hợp đồng ngày 30 tháng 6 năm 2017. Theo đó, Công ty trả lại cho công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Việt Sắc số tiền 2.675.883.331 VNĐ.

13c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

14. Vay ngắn hạn/dài hạn**14a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Vay ngắn hạn phải trả các bên liên quan</i>		
<i>Vay ngắn hạn phải trả các tổ chức khác</i>	-	22.852.056.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.13b)	-	22.852.056.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân đội - Chi nhánh An Phú</i>	-	15.652.056.000
<i>Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh</i>	-	7.200.000.000
Cộng	-	22.852.056.000

Trong năm Công ty đã tất toán các khoản vay theo Nghị quyết HĐQT số 56/NQ-H ĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2017 (xem thuyết minh V.16).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>
Số đầu năm	22.852.056.000
Số tiền vay đã trả	(22.852.056.000)
Số cuối kỳ	-

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017

Nghị quyết HĐQT số 56/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2017 đã thông qua việc thay đổi mục đích sử dụng vốn từ nguồn phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ từ 240 tỷ đồng lên 340 tỷ đồng năm 2015, cụ thể phương án sử dụng vốn thu được từ phát hành vốn điều lệ như sau:

- Thanh toán Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số 30.15.151.114540.TD ngày 25/2/2015 để nhập khẩu 02 cầu trục Mitsui-Paceco Transtainer số tiền: 48.073.796.000 VNĐ.
- Thanh toán Hợp đồng tín dụng số 0143/SME/14CD ngày 04/8/2014 để thanh toán các chi phí thực hiện dự án đầu tư bổ sung phương tiện vận tải – Container số tiền: 18.400.000.000 VNĐ
- Phần còn lại bổ sung vốn lưu động số tiền: 77.926.204.000 VNĐ.

Công ty đã thực hiện theo nghị quyết nêu trên (xem thêm thuyết minh V.14).

16b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vốn đầu tư của Nhà nước	162.149.200.000	162.149.200.000
Trong đó:		
<i>Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn</i>	87.161.700.000	87.161.700.000
<i>Công ty TNHH Một thành viên Dịch vụ Công ích Thanh niên xung phong</i>	74.987.500.000	74.987.500.000
Vốn góp của các cổ đông khác	177.850.800.000	177.850.800.000
Thặng dư vốn cổ phần	60.123.448.000	60.123.448.000
Cộng	<u>400.123.448.000</u>	<u>400.123.448.000</u>

16c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	34.000.000	34.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.000.000	34.000.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại		
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	34.000.000	34.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	34.000.000	34.000.000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VNĐ.

16d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm số 10/NQ-ĐHĐCĐ/CLL ngày 11 tháng 5 năm 2017 như sau:

	VNĐ
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 61.200.000.000
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 12.199.110.569
• Trích quỹ khen thưởng	: 1.626.548.076
• Trích quỹ phúc lợi	: 2.439.822.114

CÔNG TY CỔ PHẦN CẢNG CÁT LÁI

Địa chỉ: Đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, quận 2, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ 4/2017**6. Thu nhập khác**

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền bán lốp xe vận tải cũ	2.170.678.278	919.505.840
Thu tiền bồi thường tổn thất tàu Tân Cảng A2	145.904.888	-
Cộng	2.316.583.166	919.505.840

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý xe đầu kéo	795.556.622	41.964.117

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	83.280.530.863	81.276.744.106
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(4.164.026.643)	(4.063.837.205)
- Lợi nhuận từ hoạt động hợp tác kinh doanh	-	-
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(4.164.026.643)	(4.063.837.205)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	79.116.504.220	77.212.906.901
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.000.000	34.000.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.327	2.271

Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	34.000.000	34.000.000
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	34.000.000	34.000.000

Lập, ngày 19 tháng 01 năm 2018

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc

Lý Ngọc Tuyên

Lê Thanh sơn

Lâm Văn Tuấn

